



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH

Địa chỉ: Số 499, đường Hàn Thuyên, phường Võ Cường,
tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 02223.821.230

Email: cdcn.bci@gmail.com

Fax: 02223.855.477

Website: www.bci.edu.vn

BÁO CÁO
HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP BẮC NINH
NĂM 2025

Bắc Ninh, tháng 12 năm 2025

Số: /BC - CĐCN

Bắc Ninh, ngày tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG NĂM 2025

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1.	BLĐTB&XH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2.	TCGDNN	Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp
3.	TC	Trung cấp
4.	CĐ	Cao đẳng
5.	BGH	Ban Giám hiệu
6.	BCH	Ban chấp hành
7.	P.TK	Phó Trưởng khoa
8.	P.TP	Phó Trưởng phòng
9.	CB	Cán bộ
10.	GV	Giáo viên
11.	CNV	Công nhân viên
12.	CNVC	Công nhân viên chức
13.	GVGDNN	Giáo viên Giáo dục nghề nghiệp
14.	CTĐT	Chương trình đào tạo
15.	NĐ	Nghị định
16.	QĐ	Quyết định
17.	ĐH	Đại học
18.	HSSV	Học sinh, sinh viên
19.	TCHC	Tổ chức - Hành chính
20.	Phòng PR	Phòng quan hệ công chúng
21.	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
22.	NCKH	Nghiên cứu khoa học
23.	CNTT	Công nghệ thông tin
24.	SPGDNN	Sư phạm giáo dục nghề nghiệp
25.	Th.S	Thạc sỹ
26.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp

I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG

1.1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của nhà trường

Cơ cấu tổ chức:

- Đảng ủy trường;
- Hội đồng trường;
- Ban Giám Hiệu;
- Các Hội đồng tư vấn;
- Các tổ chức đoàn thể;
- Các phòng chức năng (05 phòng):
 - + Phòng Đào tạo;
 - + Phòng Tổ chức - Hành chính;
 - + Phòng Kế toán;
 - + Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên;
 - + Phòng quan hệ công chúng (PR).
- Các khoa chuyên môn (05 khoa):
 - + Khoa Điện - Điện tử;
 - + Khoa công nghệ Cơ khí;
 - + Khoa công nghệ Ô tô;
 - + Khoa Khoa học - Kinh tế - CNTT;
 - + Khoa sư phạm GDNN.

- Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của trường

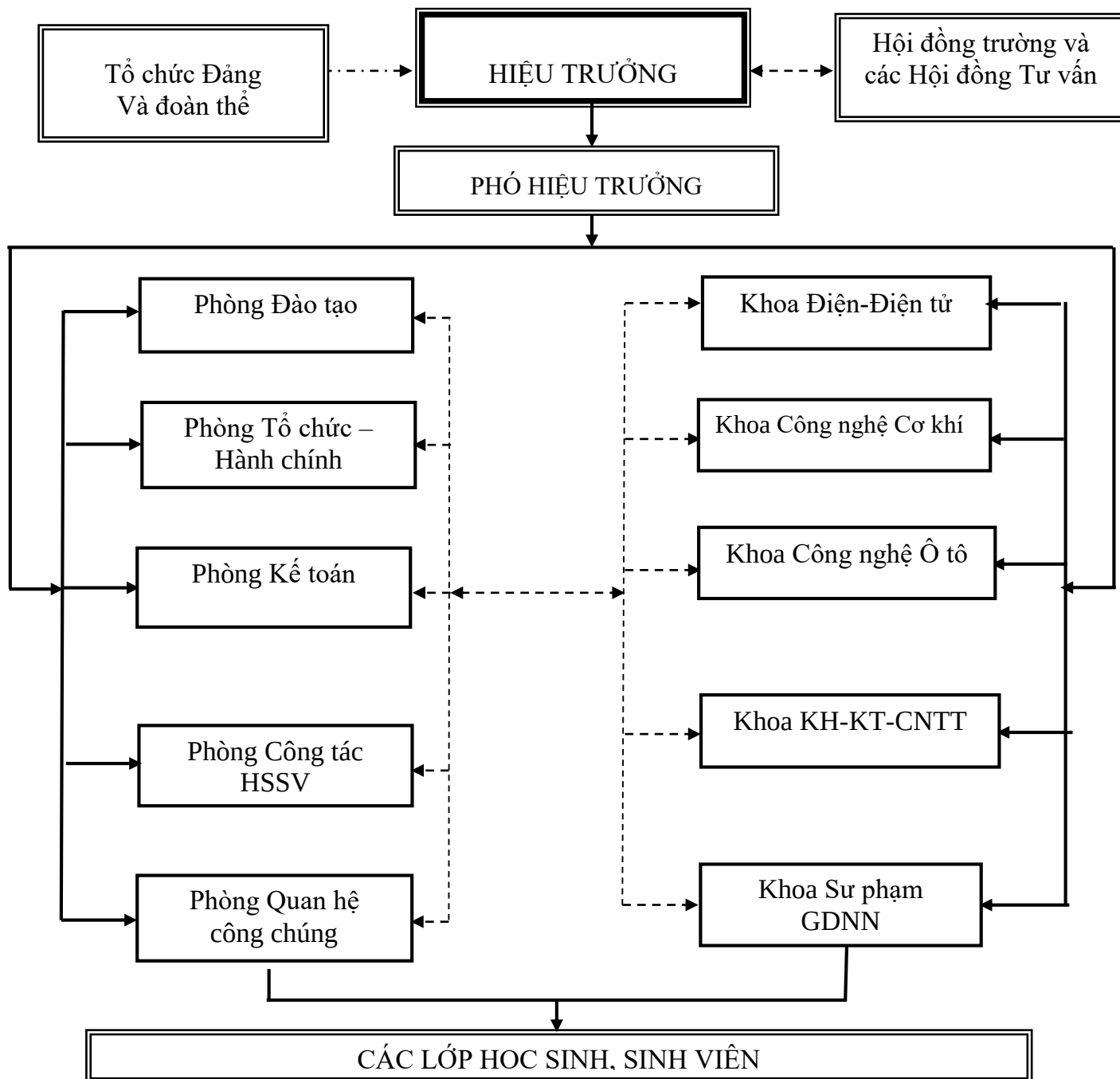
Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
1. Ban Giám hiệu	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sỹ	Hiệu trưởng
	Trần Văn Thực	1977	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sỹ	Phó Hiệu trưởng
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên:				
Đảng bộ	Vũ Quang Khuê	1979	Tiến sỹ	Bí thư Đảng ủy
	Nguyễn Văn Mễ	1978	Thạc sỹ	Phó bí thư Đảng ủy
Chi bộ 1	Đình Công Thuyền	1966	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 2	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 3	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Chi bộ 5	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ

Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị	Chức danh, Chức vụ
Chi bộ 4	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Thạc sỹ	Bí thư Chi bộ
Công Đoàn	Trần Văn Thực	1977	Thạc sỹ	Chủ tịch
Đoàn Thanh niên	Phạm Nhật Minh	1999	Đại học	Bí thư
Hội sinh viên	Phan Văn Nghiêm	1993	Thạc sỹ	Chủ tịch
3. Các phòng (05 phòng):				
Phòng TCHC	Đinh Công Thuyền	1966	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng CTHSSV	Nguyễn Duy Diễn	1964	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng
Phòng Kế toán	Nguyễn Thị Hà	1987	Cử nhân	Phụ trách Phòng
Phòng Đào Tạo	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sỹ	Trưởng phòng
Phòng QHCC	Bùi Xuân Đoàn	1979	Thạc sỹ	Trưởng phòng
4. Các khoa (05 khoa):				
Khoa công nghệ Ô tô	Võ Văn Hùng	1969	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa KH-KT-CNTT	Nguyễn Thị Như Hoa	1979	Cử nhân	Trưởng khoa
Khoa Sư phạm GDNN	Trần Mạnh Hùng	1981	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Điện - Điện tử	Trần Trung Hậu	1983	Thạc sỹ	Trưởng khoa
Khoa Công nghệ cơ khí	Nguyễn Văn Hưng	1983	Thạc sỹ	Trưởng Khoa

Cán bộ, giáo viên và nhân viên của trường

Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường	92	103	106
2. Tổng số giáo viên cơ hữu theo trình độ đào tạo	64	75	81
- Tiến sĩ	01	01	01
- Thạc sĩ	29	44	50
- Đại học	34	30	30
- Cao đẳng	0	0	0
3. Tổng số giáo viên dạy được cả lý thuyết và thực hành trên tổng số giáo viên của trường	64	75	81

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ BỘ MÁY



1.2. Các nghề đào tạo và quy mô đào tạo của trường

Nội dung	Năm học 2023-2024			Năm học 2024-2025			Năm học 2025-2026		
Hệ	TC	CD	Tổng cộng	TC	CD	Tổng cộng	TC	CD	Tổng cộng
Chỉ tiêu tuyển sinh theo Kế hoạch	150	718	868	250	786	1036	326	960	1286
Kết quả đạt được	198	738	936	417	883	1300	405	1268	1673

TT	Tên ngành	2023-2024			2024-2025			2025-2026		
		TC	CD	Tổng cộng	TC	CD	Tổng cộng	TC	CD	Tổng cộng
1	Điện công nghiệp	38	114	152	79	151	230	108	282	390
2	Điện tử công nghiệp	40	145	185	83	149	232	80	154	234
3	TĐH công nghiệp		147	147		206	206		306	306
4	Cơ điện tử		55	55		63	63		94	94
5	Cắt gọt kim loại	33	30	63	38	57	95	24	48	72
6	Công nghệ chế tạo máy		26	26		36	36		26	26
7	Công nghệ Hàn	16		16	41		41			0
8	Công nghệ ô tô		91	91		87	87		121	121
9	Bảo trì và sửa chữa ô tô	39		39	73		73	66		66
10	Công nghệ thông tin		62	62	64	51	115	71	90	161
11	Kế toán doanh nghiệp		23	23		46	46	19	44	63
12	Thương mại điện tử		45	45		37	37		103	103
13	Kỹ thuật CB món ăn	32		32	39		39	37		37
	Tổng cộng	198	738	936	417	883	1300	405	1268	1673

1.3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng:

Phòng Đào tạo; Số điện thoại: 0223.827.974

Email: phongdaotao.bci@gmail.com

Tổng số cán bộ: 05 (02 nam, 03 nữ).

Nhiệm vụ: Tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác với doanh nghiệp, hợp tác quốc tế, quản lý thư viện, công tác tự kiểm định chất lượng GDNN, tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, Công tác quản lý đảm bảo chất lượng GDNN.

Phụ trách công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng: Ông Trần Mạnh Hùng
- Trưởng Đào tạo, Số điện thoại: 0854.885.975, email: hungtm.bci@gmail.com

II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

a) Đặt vấn đề

Chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp được xem là một khái niệm đa chiều, bao gồm tất cả các chức năng và các hoạt động như giảng dạy và chương trình đào tạo, nghiên cứu và học bổng, nhân sự, HSSV, cơ sở vật chất, thiết bị, các dịch vụ đối với các bên liên quan. Tự đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài, được thực hiện bởi các chuyên gia độc lập là rất cần thiết để nâng cao chất lượng.

Để xây dựng, triển khai, duy trì và cải tiến các cấp độ chất lượng trong giáo dục nghề nghiệp ở một trường cao đẳng cần thiết lập một hệ thống đảm bảo chất lượng, có quy trình quản lý và đánh giá một cách có hệ thống nhằm giám sát việc thực hiện các hoạt động của trường.

b) Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

b1) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Thực hiện quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng (Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp).

b2) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Hệ thống bảo đảm chất lượng trong Nhà trường là hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả lĩnh vực, nội dung quản lý của Nhà trường nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp và đạt được mục tiêu đề ra.

b3) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

Hệ thống đảm bảo chất lượng đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo, thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng và chiến lược phát triển của nhà trường.

- Thực hiện đúng theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Quán triệt, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhận thức đúng về hệ thống đảm bảo chất lượng, đảm bảo hệ thống được xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến theo đúng với quy định của cấp trên và thực tiễn của nhà trường.

b4) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Thực hiện công tác chuẩn bị: Hoàn thiện tổ chức và nhân sự đảm bảo chất lượng; Đánh giá thực trạng bộ máy, nhân sự và các điều kiện đảm bảo chất lượng của Nhà trường;

Lập Kế hoạch xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng; Tổ chức hướng dẫn về xây dựng vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng cho cán bộ, giáo viên và nhân viên.

- Xây dựng hệ thống tài liệu đảm bảo chất lượng.
- Thiết lập hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng.
- Phê duyệt và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng.
- Đánh giá, cải thiện hệ thống đảm bảo chất lượng.

c) Chính sách chất lượng

Lãnh đạo, cán bộ, giáo viên và người lao động trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh cam kết: “Xây dựng Trường Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh thành trường chất lượng cao năm 2025”.

1. Nâng cao công tác quản trị nhà trường; trú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức, nhà giáo có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực đáp ứng các tiêu chí trường chất lượng cao;
2. Nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học;
3. Tạo mọi điều kiện để Học sinh sinh viên phát triển năng lực của bản thân;
4. Thường xuyên rà soát, cải tiến chương trình, giáo trình đào tạo, phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu của xã hội;
5. Mở rộng hợp tác với các Doanh nghiệp trong và ngoài nước để Học sinh sinh viên được học tập, trải nghiệm và lựa chọn việc làm sau khi tốt nghiệp;
6. Thường xuyên cải tiến, phát triển Hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường.

d) Mục tiêu chất lượng đến 2025

Để thực hiện Chính sách chất lượng trên, tập thể CBVC và người lao động của Nhà trường cam kết:

1. Đảm bảo quy mô đào tạo trên 3.000 HSSV/năm; Tuyển sinh mới đạt trên 1200 HSSV (chú trọng nâng cao chất lượng đầu vào).
2. Chất lượng đào tạo chính quy đạt khá, giỏi trên 70%; HSSV tốt nghiệp trên 98%; Sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra kỹ năng nghề và chuẩn công dân Quốc gia.
3. Học sinh, sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp đạt trên 98%; Doanh nghiệp được khảo sát hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu kỹ năng nghề của HSSV đạt 95%.
4. Tổ chức đánh giá AP1 và AP2 cho sinh viên nghề Cắt gọt kim loại, Điện tử công nghiệp tiêu chuẩn CHLB Đức. Nâng cao hiệu quả hoạt động và mô hình dạy học 02 nghề Tiêu chuẩn Đức.

5. Thành lập Hội đồng tư vấn nghề Công nghệ Ô tô; nghề Công nghệ thông tin và thương mại điện tử; Duy trì và triển khai thực hiện mô hình đào tạo kép giữa nhà trường và doanh nghiệp.

6. Tự đánh giá chất lượng GDNN đạt theo tiêu chí trường Cao đẳng chất lượng cao; tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN và chương trình đào tạo 08 nghề.

7. Xây dựng và vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng; Nâng cao chất lượng đào tạo, ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và thị giác máy.

8. Có 02 thiết bị đào tạo đạt giải tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc.

9. Nhà giáo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó 70% nhà giáo đạt chuẩn quy định trường chất lượng cao; Nhà giáo có trình độ Tiến sĩ, Thạc sĩ đạt trên 70%.

10. Có trên 20 đề tài khoa học cấp cơ sở; Đăng ký từ 01 đến 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, bộ.

11. Rà soát, chỉnh sửa, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình đào tạo 3 cấp trình độ.

đ) Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng thực hiện được xây dựng và vận hành

TT	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG (TÊN QUY TRÌNH)	Mã ký hiệu
1	Quy trình tuyển sinh	QT01/BCI-PR
2	Quy trình xét điều kiện dự thi kết thúc môn học/mô đun	QT02/BCI-ĐT
3	Quy trình thi kết thúc môn học/mô đun	QT03/BCI-ĐT
4	Quy trình thi và xét điều kiện tốt nghiệp	QT04/BCI-ĐT
5	Quy trình đánh giá kết quả học tập, rèn luyện	QT05/BCI-ĐT
6	Quy trình quản lý điểm	QT06/BCI-ĐT
7	Quy trình đánh giá, phân loại CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động	QT07/BCI-TCHC
8	Quy trình mua sắm vật tư	QT08/BCI-KT
9	Quy trình quản lý, sử dụng vật tư trong đào tạo	QT09/BCI-KT
10	Quy trình khảo sát doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động	QT10/BCI-PR
11	Quy trình biên soạn ngân hàng câu hỏi, đề thi	QT11/BCI-ĐT
12	Quy trình tổ chức HSSV thực tập tại doanh nghiệp	QT12/BCI-ĐT
13	Quy trình khen thưởng HSSV	QT13/BCI-CTHSSV
14	Quy trình kỷ luật HSSV	QT14/BCI-CTHSSV
15	Quy trình xét học bổng HSSV	QT15/BCI-ĐT

TT	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG (TÊN QUY TRÌNH)	Mã ký hiệu
16	Quy trình kiểm kê tài sản	QT16/BCI-KT
17	Quy trình thanh lý tài sản	QT17/BCI-KT
18	Quy trình thanh toán hợp đồng giảng dạy	QT18/BCI-KT
19	Quy trình tổ chức nhà giáo học tập tại doanh nghiệp	QT01/BCI-PR
20	Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo	QT02/BCI-ĐT
21	Quy trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh giáo trình đào tạo	QT03/BCI-ĐT
22	Quy trình đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	QT04/BCI-ĐT
23	Quy trình nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở	QT05/BCI-ĐT
24	Quy trình tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN	QT06/BCI-ĐT
25	Quy trình thanh toán đề tài nghiên cứu khoa học	QT07/BCI-KT
26	Quy trình đào tạo, bồi dưỡng CBQL, nhà giáo, nhân viên và người lao động	QT08/BCI-TCHC
27	Quy trình tuyển dụng	QT09/BCI-TCHC
28	Quy trình kỷ luật CBVC	QT10/BCI-TCHC
29	Quy trình xét nâng lương	QT11/BCI-TCHC
30	Quy trình khen thưởng CBVC	QT12/BCI-TCHC
31	Quy trình quản lý hồ sơ HSSV	QT13/BCI-CTHSSV
32	Quy trình quản lý xưởng, phòng học	QT14/BCI-TCHC
33	Quy trình sửa chữa máy móc, thiết bị	QT15/BCI-TCHC
34	Quy trình mua sắm tài sản	QT16/BCI-KT
35	Quy trình tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	QT17/BCI-ĐT
36	Quy trình khảo sát học sinh sau tốt nghiệp	QT18/BCI-PR
37	Quy trình nhập học	QT19/BCI-PR
38	Quy trình khảo sát học sinh THCS, THPT về nhu cầu học nghề	QT01/BCI-PR
39	Quy trình đào tạo song hành cho sinh viên tại doanh nghiệp	QT02/BCI-ĐT
40	Quy trình quản lý hồ sơ cán bộ, viên chức, người lao động	QT03/BCI-TCHC
41	Quy trình thực hiện chính sách hỗ trợ học phí	QT04/BCI-KT
42	Quy trình xét công nhận tốt nghiệp	QT05/BCI-ĐT
43	Quy trình xét miễn học, miễn thi các môn học chung	QT06/BCI-ĐT

TT	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG (TÊN QUY TRÌNH)	Mã ký hiệu
44	Quy trình xây dựng kế hoạch đào tạo	QT07/BCI-ĐT
45	Quy trình xây dựng tiến độ đào tạo theo năm học	QT08/BCI-ĐT
46	Quy trình xây dựng thời khóa biểu theo giai đoạn	QT09/BCI-ĐT
47	Quy trình thực hiện Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	QT10/BCI-ĐT
48	Quy trình đăng ký hoạt động Giáo dục nghề nghiệp	QT11/BCI-ĐT
49	Quy trình thanh kiểm tra thường xuyên hoạt động đào tạo	QT12/BCI-ĐT
50	Quy trình tổ chức hoạt động ngoại khóa cho HSSV	QT13/BCI-CTHSSV
51	Quy trình cho học sinh sinh viên thôi học	QT01/BCI-HSSV
52	Quy trình trả hồ sơ HSSV	QT02/BCI-HSSV
53	Quy trình xếp loại kết quả rèn luyện HSSV	QT03/BCI-HSSV
54	Quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý cấp phòng/khoa	QT04/BCI-TCHC
55	Quy trình ra văn bản	QT05/BCI-TCHC
56	Quy trình quan hệ hợp tác doanh nghiệp	QT06/BCI-PR
57	Quy trình bảo lưu kết quả học tập	QT07/BCI-ĐT
58	Quy trình thi kỹ năng nghề cấp trường	QT09/BCI-ĐT
59	Quy trình tổ chức thanh, kiểm tra định kỳ theo kế hoạch	QT10/BCI-ĐT
60	Quy trình đánh giá bài giảng cho giảng viên mới	QT11/BCI-ĐT
61	Quy trình xây dựng kế hoạch giáo viên	QT12/BCI-ĐT
62	Quy trình lưu trữ hồ sơ quản lý đào tạo	QT13/BCI-ĐT
63	Quy trình cấp văn bằng chứng chỉ cho người học	QT14/BCI-ĐT
64	Quy trình tổ chức sự kiện	QT15/BCI-PR
65	Quy trình Bảo trì, sửa chữa máy móc, trang thiết bị	QT16/BCI-TCHC
66	Quy trình tổ chức thi AP1, AP2	QT01/BCI-CK

e) Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng

Hệ thống thông tin quản lý hệ thống gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ các lĩnh vực hoạt động của hệ thống, hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bao gồm 2 nguồn, một là từ các khảo sát các bên có liên quan (HSSV, cựu HSSV, doanh nghiệp) và thông tin từ các số liệu các đơn vị của nhà trường như số liệu về học vụ, giảng viên, sinh viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, tài chính.... Tổ đảm bảo chất lượng thu thập từ hệ thống giám sát, đây là dữ liệu quan trọng, căn cứ khách

quan dùng để cải tiến các hoạt động trong hệ thống như: giảng dạy, học tập, nghiên cứu, cải tiến chương trình, giáo trình,...

Các thông tin về đảm bảo chất lượng của nhà trường được công bố rộng rãi, minh bạch đến các đối tượng có liên quan như giảng viên, nhân viên, nhà quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, xã hội. Các thông tin này được công bố thông qua nhiều kênh khác nhau như website, Báo cáo ĐBCL, hội thảo ĐBCL và các phương tiện khác.

2.2. Đánh giá, cải tiến

a) Đánh giá:

a1) Tổng số đợt đánh giá: 01

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 10

b) Cải tiến

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số nội dung đang vận hành		
Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa	05	
Số lượng nội dung được bổ sung	00	
Số lượng nội dung loại bỏ	00	

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất, lượng được cải tiến

Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành	66	
Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa	05	
Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung	00	
Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ	00	

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

3.1. Ưu điểm:

- Thực hiện đúng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về công tác xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng.

- Có được sự quan tâm chỉ đạo của Ban giám hiệu nhà Trường đôn đốc thực hiện xây dựng và vận hành hệ thống.

3.2. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác xây dựng hệ thống các quy trình còn chậm, các biểu mẫu còn thiếu, một số lĩnh vực hoạt động chưa được quy trình hóa

Các kênh thông tin của Nhà trường được công bố cập nhật thông qua Website tuy nhiên ban quản trị Website chưa chuyên nghiệp, hạ tầng công nghệ thông tin chưa đảm bảo để quản trị Website trường đạt hiệu quả.

- Việc sử dụng thông tin thu thập chưa được chú ý quan tâm và có trách nhiệm tại một số bộ phận.

3.3. Nguyên nhân:

- Công tác chuyên môn nhiều, một số đơn vị được phân công xây dựng quy trình chưa thực hiện tốt.

- Nguồn kinh phí hoạt động hạn hẹp, cơ sở hạ tầng thông tin chưa được nâng cấp.

3.4. Đề xuất:

Cần thiết lập hệ thống thông tin từ các cơ quan quản lý GDNN đến các trường nhằm thông suốt và thống nhất trong các hoạt động quản lý, chuẩn hóa toàn bộ cơ sở dữ liệu về đảm bảo chất lượng để khai thác dùng chung giữa các cơ sở GDNN./.

Nơi nhận:

- Cục GDNN&GDTX (b/c);
- Sở GD&ĐT (b/c);
- BGH;
- Lưu VT, tổ BDCL.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Quang Khuê